TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 199/2017/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 26 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số: 294/2017/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: anh Trương Văn T, sinh năm 1991.
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: chị Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1993.
Nơi đăng ký HKTT: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18/7/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Trương Văn T, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh với chị Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1993. Nơi đăng ký HKTT: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: anh Trương Văn T và chị Huỳnh Thị Thu H tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: tên Trương Tấn P, sinh ngày 24/9/2015 hiện đang sống với chị Thu H, tại phiên hòa giải anh T và chị Thu H tự nguyện thỏa thuận về quyền nuôi dưỡng con như sau: chị Huỳnh Thị Thu H được tiếp tục nuôi dưỡng con tên Trương Tấn P, sinh ngày 24/9/2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con, nên Toà án không xem xét.

- *Về tài sản chung*: anh T và chị Thu H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên hòa giải anh T có làm đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn vì vậy Tòa án không xem xét phần tài sản khi ly hôn.

- *Về nợ chung, số nợ phải thu phải chi*: Tại phiên hòa giải anh T và chị Thu H cho rằng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: anh Trương Văn T tự nguyện nộp 150.000 đồng nhưng được trừ qua số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2015/ 0010351 ngày 14/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long. Hoàn trả cho anh T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí, chị Huỳnh Thị Thu H không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *VKSND huyện;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *CCTHA huyện;*
- *UBND xã, thị trấn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

Thẩm phán
(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Trúc Linh